

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 2790/2002/QĐ-
BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Về vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh

và khu vực trách nhiệm của Cảng vụ Quảng Ninh

Bộ trưởng bộ giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Điều 58 Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại Công văn số 440/UB ngày 11 tháng 4 năm 2002;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Nay công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh bao gồm:

Vùng nước trước cầu cảng Hòn Gai, Cái Lân, B12, Cẩm Phả, Mũi Chùa.

Vùng nước của tuyến luồng hàng hải, vùng neo đậu chuyển tải, tránh bão, thuộc các cảng biển Hòn Gai, Cái Lân, B12, Cẩm Phả, Mũi Chùa, Nhà máy Đóng tàu Hạ Long và khu vực chuyển tải Vạn Gia.

Điều 2.

Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định như sau:

1. Vùng nước các cảng biển khu vực Hòn Gai gồm các cảng Hòn Gai, Cái Lân, B12: nằm trong giới hạn các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ dưới đây:

A1. Đền luông Bãi Cháy tại vị trí có tọa độ: $20^{\circ}57'32''$ N; $107^{\circ}03'19''$ E .

A2. Mép phía Bắc Hòn Gai.

A3. Mép phía Đông Hòn Một.

A4. Mép phía Đông Hòn Bê Cụt Đầu.

A5. $20^{\circ}42'36''$ N; $107^{\circ}09'20''$ E.

A6. $20^{\circ}42'36''$ N; $107^{\circ}11'20''$ E.

A7. Mép phía Nam Hòn Hũ Lạng.

A8. Mép phía Tây Nam Hòn Vòng Viêng.

A9. Mép phía Tây Nam núi Bài Thơ, chạy dọc theo bờ phía Tây Nam Hòn Gai đến bến phà Bãi Cháy phía Hòn Gai, nối với điểm A10.

A10. Mép phía Tây Bắc đảo Thành Công.

A11. $20^{\circ}59'30''$ N; $107^{\circ}04'54''$ E .

A12. $20^{\circ}59'36''$ N; $107^{\circ}01'00''$ E .

A13. Mép phía Tây Bắc Nhà máy đóng tàu Hạ Long, chạy dọc cầu cảng Nhà máy đóng tàu Hạ Long đến cảng Cái Lân, cảng Xăng dầu B12, bến phà Bãi Cháy phía Bãi Cháy, nối với điểm A1.

2. Vùng nước các cảng biển khu vực Cẩm Phả gồm cảng Cẩm Phả và các cảng khác: nằm trong giới hạn các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ dưới đây:

B1. Mép phía Đông Nam cảng Cẩm Phả.

B2. Mép phía Tây Bắc hòn Đá Bàn.

B3. Mép phía Tây Bắc hòn Ớt

B4. Mép phía Tây hòn Gà Chọi.

B5. Mép phía Tây hòn Nét Giữa.

B6. Mép phía Đông hòn Đeo Còm.

A7. Mép phía Nam hòn Hũ Lạng.

A4. Mép phía Đông hòn Bê Cụt Đầu.

A5. $20^{\circ}42'36''$ E, $107^{\circ}09'20''$ E.

A6. $20^{\circ}42'36''$ N; $107^{\circ}11'20''$ E.

B7. $20^{\circ}47'18''$ N; $107^{\circ}17'30''$ E.

B8.Mép phía Đông Nam hòn Mò Trai.

B9.Mép phía Đông hòn Vạ Ráy Giữa.

B10.21⁰01'42" N; 107⁰22'30" E.

B11.Mép phía Nam đảo Cặp Tiên.

B12.Mép phía Đông Bắc cảng Cẩm Phả, chạy dọc theo cầu cảng, nối với điểm B1.

3.Vùng nước cảng biển Mũi Chùa: nằm trong giới hạn các đoạn thẳng nối các điểm dưới đây:

C1.Mép phía Đông Bắc cảng Mũi Chùa.

C2.21⁰17'06" N; 107⁰27'30" E.

C3.Mép phía Tây Nam hòn Thoi Dây.

C4.Mép phía Nam hòn Vẹm

C5.Mép phía Đông Nam hòn Đá Dựng.

C6.Mép phía Đông Nam hòn Ba Rền Giữa.

C7.Mép phía Bắc hòn Sâu Đông.

C8.Mép phía Bắc hòn Chín.

C9.Mép phía Đông Bắc đảo Cái Bàu, chạy dọc theo bờ phía Bắc đảo Cái Bàu, nối với điểm C10.

C10.Mép phía Tây Bắc đảo Cái Bàu.

C11.Mép phía Tây Nam cảng Mũi Chùa, chạy dọc theo cầu cảng, nối với điểm C1.

4.Vùng nước khu vực chuyển tải Vạn Gia: nằm trong giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm dưới đây:

D1.Mép phía Tây đảo Vĩnh Thực.

D2.21⁰20'00" N; 107⁰ 50'38" E.

D3.21⁰19'30" N; 107⁰49'24" E.

D4.21⁰22'18" N; 107⁰ 48'36" E.

D5.21⁰24'00" N; 107⁰54'30" E.

D6.21⁰24'38" N; 108⁰01'00" E.

D7.21⁰22'18" N; 108⁰01'00" E

D8.21⁰22'18" N; 107⁰59'56" E

D9.Phía Đông đảo Vĩnh Thực, chạy dọc theo bờ phía Bắc đảo Vĩnh Thực, nối với điểm D1.

Điều 3.

Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão cho tàu thuyền vào khu vực các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh được quy định như sau:

1.Vùng đón trả hoa tiêu và kiểm dịch:

a.Đối với các cảng khu vực Hòn Gai:

Chomọi loại tàu thuyền khi thời tiết bình thường: được giới hạn bởi đường tròn bán kính 01 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ: $20^{\circ}43'24''$ N; $107^{\circ}10'18''$ E .

Chomọi loại tàu thuyền khi thời tiết xấu: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ: $20^{\circ}49'00''$ N; $107^{\circ}08'06''$ E

Chotàu thuyền Việt Nam có trọng tải đến 5.000 DWT: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,4 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ: $20^{\circ}52'30''$ N; $107^{\circ}04'54''$ E.

b.Đối với các cảng khu vực Cẩm Phả:

Chomọi loại tàu thuyền khi thời tiết bình thường: được giới hạn bởi đường tròn bán kính 01 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ: $20^{\circ}43'24''$ N; $107^{\circ}10'18''$ E .

Chomọi loại tàu thuyền khi thời tiết xấu: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ: $20^{\circ}49'12''$ N; $107^{\circ}17'00''$ E.

Chotàu thuyền Việt Nam có trọng tải đến 5.000 DWT: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,4 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ: $20^{\circ}57'42''$ N; $107^{\circ}20'18''$ E .

c.Đối với cảng Mũi Chùa: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,4 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ $21^{\circ}15'05''$ N; $107^{\circ}40'51''$ E.

d.Đối với khu chuyển tải Vạn Gia: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý với tâm tại vị trí có toạ độ $21^{\circ}22'48''$ N; $108^{\circ}00'20''$ E.

2. Vùng neo đậu, chuyển tải và tránh bão:

a.Khu vực Hòn Gai:

Chotàu hàng khô có trọng tải trên 30.000 DWT với mớn nước không quá 9,5 mét tại các vị trí có toạ độ:

HL6. $20^{\circ}56'42''$ N, $107^{\circ}03'30''$ E.

HL7. $20^{\circ}56'42''$ N, $107^{\circ}03'34''$ E.

HL8. $20^{\circ}56'12''$ N, $107^{\circ}03'42''$ E.

Chotàu hàng khô có trọng tải trên 30.000 DWT với mớn nước trên 9,5m tại các vị trí có toạ độ:

HL11. $20^{\circ}51'36''$ N, $107^{\circ}07'06''$ E.

HL12. $20^{\circ}51'42''$ N, $107^{\circ}06'36''$ E.

HL15. $20^{\circ}51'48''$ N, $107^{\circ}06'12''$ E.

-Cho tàu hàng khô có trọng tải từ 30.000 DWT trở xuống tại các vị trí có toạ độ:

HL1. $20^{\circ}56'09''$ N, $107^{\circ}04'00''$ E.

HL2. $20^{\circ}56'28''$ N, $107^{\circ}03'52''$ E.

HL3. $20^{\circ}56'38''$ N, $107^{\circ}03'50''$ E.